

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002,  
Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX  
về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

-----

Trên tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Lâm Đồng đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ Nghị quyết đề ra. Trải qua 15 năm thực hiện Nghị quyết, đến nay, kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Căn cứ Kế hoạch và Đề cương hướng dẫn tổng kết báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-TTg, ngày 20/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh như sau:

***Phần thứ nhất*****TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT****I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 29/3/2002 về triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong đó chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức tốt việc học tập, quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 13-NQ/TW; kết hợp chặt chẽ việc tổ chức thực hiện Nghị quyết với việc triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết; giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch quán triệt đến các cấp, các ngành trong tỉnh.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo tuyên truyền, tổ chức thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW ở tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức và biện pháp khác nhau. Sau 15 năm công tác phổ biến, tuyên truyền, học tập, quán triệt và tổ chức triển khai Nghị quyết 13-NQ/TW trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, mô hình kinh tế tập thể ngày càng khẳng định được vị trí quan trọng, là

một thành phần kinh tế không thể tách rời trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Tuy nhiên*, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như: việc tuyên truyền chưa được thường xuyên, một số đơn vị cấp cơ sở đặc biệt là xã, phường chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền, một số tổ chức đoàn thể chưa tích cực trong việc tham gia công tác tuyên truyền. Trong giai đoạn tiếp theo cần tiếp tục có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các ngành, các cấp trong triển khai các nhiệm vụ được giao theo các chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh về phát triển kinh tế tập thể, phấn đấu đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu đề ra.

## **II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

### **1. Cơ chế, chính sách, nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành trong 15 năm qua**

Trong 15 năm qua Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 19 văn bản để chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, trong đó có các văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/07/2002 của Tỉnh ủy về Chương trình thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Công văn số 2637-CV/TU, ngày 27/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận 56/KL-TW, ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kế hoạch số 07-KH/TU, ngày 23/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 19/CT-TTg, ngày 24/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp xã; Nghị quyết số 100/2014/NQ-HĐND, ngày 15/07/2014 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã trong tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch 3234-KH/UB, ngày 01/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kế hoạch số 6128/KH-UBND, ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 961/QĐ-UBND, ngày 04/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển kinh tế hợp tác tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020...

### **2. Đánh giá các cơ chế, chính sách, nghị quyết, quyết định, kế hoạch, đề án về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

Kết quả việc thể chế và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết thời gian qua bước đầu đã tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể nói chung và hợp tác xã nói riêng, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ, thành viên hợp tác xã về hợp tác xã đổi mới đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung và tính tất yếu khách quan của kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong cơ cấu kinh tế mới. Các nghị quyết, quyết định, kế hoạch về phát triển kinh tế tập thể của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy

ban nhân dân tỉnh được ban hành kịp thời tạo điều kiện cho các hợp tác xã được củng cố và ổn định trong sản xuất kinh doanh, đã hình thành một số mô hình hợp tác xã mới với chuỗi liên kết giá trị, từng bước khẳng định vị trí, vai trò góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng, nhiều mô hình hợp tác xã đã xuất khẩu mặt hàng nông sản đi các thị trường như Hàn Quốc, Đài Loan,... Tuy nhiên, công tác tuyên truyền quán triệt nghị quyết ở các cấp, các ngành chưa duy trì thường xuyên và chưa mở rộng đến các đối tượng như: nông dân, thành viên, ... chưa gắn với thực hiện cụ thể nên đạt hiệu quả chưa cao.

### ***Phần thứ hai***

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA**

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

Sau 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên toàn tỉnh được nâng cao. Kinh tế tập thể nòng cốt là hợp tác xã đã và đang từng bước khẳng định vị trí, vai trò trong phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các đoàn thể chính trị xã hội theo chức năng, nhiệm vụ đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, về Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã sửa đổi năm 2012, các nghị định, thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Tuy nhiên, do nhận thức về mô hình hợp tác xã thời bao cấp còn ăn sâu trong tiềm thức người dân nên một số bộ phận người dân chưa hiểu rõ và đầy đủ về kinh tế tập thể, còn tư tưởng hoài nghi và hiểu sai về kinh tế hợp tác và hợp tác xã, chưa hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia hợp tác xã. Bên cạnh đó, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên tại địa phương còn bảo thủ, tư duy trì trệ, còn can thiệp sâu vào hoạt động của các hợp tác xã; một số sở, ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

#### **2. Về sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách**

Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện các văn bản như: Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã sửa đổi năm 2012; Nghị định 193/NĐ-CP, ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020; Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã,... Trên cơ sở chủ trương, chính sách

của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để cụ thể hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Ngày 26/6/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch 07-KH/TU về việc thực hiện Kết luận 56-KL/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 19-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Cụ thể hóa các văn bản của Trung ương và Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND, ngày 25/02/2015 về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015 - 2020. Tỉnh đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực cho các hợp tác xã như chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ xúc tiến thương mại thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn; thành lập mới hợp tác xã. Các chính sách hỗ trợ bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Luật Hợp tác xã năm 2012 ra đời là điểm mốc quan trọng khẳng định sự tồn tại và phát triển của mô hình kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa; bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cũng ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng tốt nhất mục tiêu, yêu cầu đối với sự phát triển hợp tác xã trong giai đoạn hiện nay.

### **3. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước**

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể của tỉnh và của 12 huyện, thành phố để triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể cấp tỉnh và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh; Ở các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh đã thành lập các Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể cấp huyện ở các địa phương, giao trực tiếp cho Phòng Tài chính - Kế hoạch các địa phương làm cơ quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp huyện, thành phố.

- Cùng cố công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể và hợp tác xã. Ở cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp đề xuất các mô hình, cơ chế chính sách, kế hoạch phát triển về kinh tế tập thể; các sở phân công cán bộ nghiệp vụ thường xuyên theo dõi. Các huyện, thành phố thống nhất giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo, tham mưu cho lãnh đạo cấp huyện về phát triển kinh tế tập thể tại địa phương. Các phòng: Nông nghiệp, Kinh tế Hạ tầng phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi các hợp tác xã theo lĩnh vực được phân công và định kỳ báo cáo tình hình hoạt động cho Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp.

### **4. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

Tỉnh ủy đã chỉ đạo tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; trong chỉ đạo đã linh hoạt gắn kết thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lồng ghép các chương trình mục tiêu lớn trên địa bàn của tỉnh.

Liên minh Hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh phát huy vai trò trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương. Những năm qua, hoạt động của Liên minh Hợp tác xã được củng cố và làm cầu nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế tập thể; thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác...

Về xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các tổ chức kinh tế tập thể, đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có hơn 100 đảng viên đang sinh hoạt tại các chi bộ cơ sở hoặc sinh hoạt ghép tại địa phương; hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân có 11/25 quỹ tín dụng nhân dân có chi bộ cơ sở với 71 đảng viên. Các quỹ đều có tổ chức công đoàn cơ sở, nhiều công đoàn đạt công đoàn vững mạnh.

## **II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA**

### **1. Tổ hợp tác**

- Số lượng: Đến 31/12/2018, trên địa bàn tỉnh có 300 tổ hợp tác có đăng ký chứng thực với chính quyền địa phương cấp xã, phường, thị trấn theo Nghị định 151/NĐ-CP<sup>1</sup>; trong đó có 24 tổ hợp tác phi nông nghiệp và 276 tổ hợp tác nông nghiệp. Riêng năm 2018 thành lập mới 18 tổ hợp tác (*gồm: 14 tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp và 04 tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp*).

- Tổ viên: Đến 31/12/2018, tổng số tổ viên tham gia trong tổ hợp tác là 6.947 tổ viên (năm 2003 là 25.450 tổ viên).

- Kết quả hoạt động:

Lĩnh vực nông nghiệp có 276 tổ hợp tác, giảm 219 tổ hợp tác so với năm 2003. Các tổ hợp tác nông nghiệp hoạt động chủ yếu vào các ngành nghề như: trồng lúa, trồng cây ăn trái, cây công nghiệp và rau màu; chăn nuôi gia súc, gia cầm; đa số các tổ hợp tác chỉ dừng ở mức độ hỗ trợ nhau trong kỹ thuật sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm, còn lại một số ít các tổ hợp tác hoạt động có doanh thu: tổ chức sản xuất theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ.

Lĩnh vực CN-TTCN có 24 tổ hợp tác, tăng 03 tổ hợp tác so với năm 2003. Các tổ hợp tác hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đan lát lục bình, giỏ mây tre, gia công hàng len, may công nghiệp,... với quy mô hoạt động nhỏ, máy móc phương tiện còn lạc hậu, đơn hàng chủ yếu là gia công cho các doanh nghiệp.

Khó khăn lớn nhất của các tổ hợp tác hiện nay là thiếu vốn, thiếu tính liên kết chặt chẽ trong sản xuất; công tác theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của cơ quan nhà nước đối với mô hình tổ hợp tác còn hạn chế do các tổ hợp tác thành lập theo nhu cầu, hoạt động theo mùa vụ, đơn hàng,...

### **2. Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã**

#### **2.1. Hợp tác xã**

##### **2.1.1 Số lượng và thành viên**

---

<sup>1</sup> Năm 2003 toàn tỉnh có 516 tổ hợp tác; trong đó có 495 tổ hợp tác nông lâm nghiệp, thủy sản chăn nuôi và 21 tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp.

- Số lượng: Đến 31/12/2018 toàn tỉnh có 315 hợp tác xã, tăng 213 hợp tác xã so 2003; trong đó có 225 hợp tác xã nông nghiệp, 25 quỹ tín dụng nhân dân, 36 hợp tác xã công thương, 27 hợp tác xã giao thông vận tải, 01 hợp tác xã xây dựng và 01 hợp tác xã dịch vụ du lịch. Số hợp tác xã thành lập mới năm 2018 là 68 hợp tác xã; trong đó 61 hợp tác xã nông nghiệp, 06 hợp tác xã công thương và 01 quỹ tín dụng nhân dân. Số hợp tác xã đang hoạt động năm 2018 là 286 hợp tác xã, tăng 191 hợp tác xã so với năm 2003; trong đó 198 hợp tác xã nông nghiệp, 35 hợp tác xã công thương (04 hợp tác xã chợ), 26 hợp tác xã giao thông vận tải, 25 quỹ tín dụng nhân dân, 01 hợp tác xã xây dựng và 01 hợp tác xã dịch vụ du lịch. Số hợp tác xã ngưng hoạt động đang chờ giải thể năm 2018 là 29 hợp tác xã, tăng 22 hợp tác xã so với năm 2003; trong đó 27 hợp tác xã nông nghiệp, 01 hợp tác xã giao thông vận tải và 01 hợp tác xã công thương; số hợp tác xã giải thể trong năm là 04 hợp tác xã; trong đó 03 hợp tác xã nông nghiệp và 01 hợp tác xã công thương.

- Thành viên: Tổng số thành viên đến 31/12/2018 là 67.212 thành viên, tăng 15.102 thành viên so với năm 2003; trong đó hợp tác xã nông nghiệp 7.011 thành viên, quỹ tín dụng nhân dân 54.002 thành viên, hợp tác xã công thương 577 thành viên, hợp tác xã giao thông vận tải 1.998 thành viên, hợp tác xã dịch vụ du lịch và xây dựng 34 thành viên. Số thành viên mới tham gia năm 2018 là 476 thành viên.

- Quy mô: Năm 2018, doanh thu bình quân của 01 hợp tác xã là 10,899 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động trong hợp tác xã là 66 triệu đồng/năm.

#### 2.1.2. Đánh giá theo từng lĩnh vực hoạt động

##### 2.1.2.1 Về hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp - thủy sản

- Số lượng: Đến 31/12/2018, trên địa bàn tỉnh có 225 hợp tác xã nông nghiệp, tăng 183 hợp tác xã so với năm 2003; trong đó có 198 hợp tác xã đang hoạt động, tăng 159 hợp tác xã so với năm 2003 và 27 hợp tác xã ngưng hoạt động đang chờ giải thể.

- Thành viên: Đến 31/12/2018, tổng số thành viên tham gia trong hợp tác xã nông nghiệp là 7.011 thành viên, tăng hơn 2.000 thành viên so với năm 2003.

- Quy mô: Tổng vốn điều lệ của các hợp tác xã khoảng 344 tỷ đồng. Các hợp tác xã hoạt động dịch vụ là chính, doanh thu trên chỉ thể hiện ở các hợp tác xã có kinh doanh, buôn bán.

- Các hợp tác xã hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

Cung ứng vật tư đầu vào: Số lượng là 15 hợp tác xã, hoạt động chủ yếu là cung ứng phân bón, thức ăn gia súc, giống cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn kỹ thuật. Các hợp tác xã đầu tư xây dựng kho xưởng, văn phòng hợp tác xã bài bản, tổ chức cung ứng dịch vụ vật tư đầu vào khá tốt. Tổng doanh thu năm 2018 là 40 tỷ đồng, cung ứng khoảng 4.000 tấn phân bón các loại.

Hoạt động đầu ra: Số lượng là 70 hợp tác xã, tổ chức bao tiêu sản phẩm rau, củ quả cho thành viên với khoảng 70 mặt hàng rau, củ quả các loại. Các hợp tác xã tổ chức sản xuất, thu mua, sơ chế và bao tiêu sản phẩm cho các thành

viên, sau đó cung ứng cho các cửa hàng rau sạch, siêu thị trong cả nước; tổng sản lượng tiêu thụ rau, củ, quả các loại hơn 60.000 tấn. Một số hợp tác xã còn tổ chức dịch vụ tư vấn, tìm kiếm các doanh nghiệp, tư nhân ký hợp đồng thỏa thuận trực tiếp với các thành viên tham gia trong hợp tác xã.

Hoạt động tín dụng nội bộ năm 2018 có 11 đơn vị, tăng 01 hợp tác xã so với năm 2003. Hiện nay toàn tỉnh có 12 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tín dụng nội bộ. Tổng số tiền hoạt động trong năm khoảng 25 tỷ đồng cho 600 hộ vay đầu tư sản xuất, trung bình 01 hộ thành viên được vay từ 11 đến 130 triệu đồng. Với hoạt động này giúp cho thành viên có vốn để đầu tư cây trồng, sản xuất... hạn chế nạn cho vay lãi cao, thành viên không phải bán cà phê non để có vốn đầu tư. Cụ thể: Hợp tác xã nông nghiệp Hiệp Phát cho vay 05 tỷ đồng cho 100 hộ vay; Hợp tác xã nông nghiệp Đông Di Linh có 1,3 tỷ đồng cho 47 lượt vay, Hợp tác xã nông nghiệp Tân Sơn: có 03 tỷ đồng cho 72 hộ vay vốn...

Nhìn chung, trong các năm qua nhiều mô hình hợp tác xã nông nghiệp được thành lập mới đa dạng trên lĩnh vực như: Nông nghiệp; du lịch canh nông; trồng rau, hoa các loại; tổ chức sản xuất, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm; dịch vụ đầu vào và đầu ra trong sản xuất. Các hợp tác xã tăng nhanh về chất lượng cũng như số lượng so với năm 2003. Hình thức tổ chức sản xuất hướng về liên kết, hình thành chuỗi, đăng ký thương hiệu và tổ chức thu mua, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm cho bà con thành viên. Khó khăn của hầu hết của các hợp tác xã hiện nay là thiếu vốn hoạt động, các thành viên góp vốn quá ít, số lượng thành viên chỉ từ 07-20 thành viên/hợp tác xã. Sản phẩm sản xuất ra chưa có quy mô và sản lượng lớn là nguyên nhân chính khi hợp tác xã thành lập xong vẫn không tìm kiếm được thị trường tiêu thụ. Các thành viên trong hợp tác xã không góp vốn, chưa liên kết chặt chẽ với nhau trong các khâu sản xuất. Đối với các hợp tác xã hoạt động dịch vụ đầu vào thì sản lượng giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng của thị trường; các hợp tác xã tổ chức sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh của mặt hàng không rõ nguồn gốc.

#### 2.1.2.2. Quỹ tín dụng nhân dân

- Số lượng: Đến 31/12/2018, toàn tỉnh có 25 quỹ tín dụng nhân dân, tăng 08 quỹ tín dụng nhân dân so với năm 2003, 09 phòng giao dịch hoạt động trên 88 xã, phường, thị trấn.

- Thành viên: Đến 31/12/2018, tổng số thành viên là 54.002 thành viên, tăng so với 2003. Số lao động làm việc thường xuyên tại quỹ tín dụng nhân dân năm 2018 là 360 người, tăng 237 người so với năm 2003.

- Hoạt động: Tổng nguồn vốn hoạt động của các Quỹ năm 2018 là 5.764 tỷ, tăng 5.574 tỷ so với năm 2003; chủ yếu tăng từ tiền gửi tiết kiệm của khách hàng. Cơ cấu nguồn vốn phân bổ như sau: Huy động tiền gửi 4.606 tỷ đồng, tăng 4.497 tỷ đồng so với năm 2003; vốn tự có và vốn khác 594 tỷ đồng, tăng 572 tỷ đồng so với năm 2003; vốn vay Ngân hàng Hợp tác xã 562 tỷ đồng, tăng 504 tỷ đồng so với năm 2003. Dư nợ cho vay năm 2018 là 5.061 tỷ đồng, tăng 4.894 tỷ đồng so với năm 2003; nợ xấu năm 2018 là 4.308 triệu đồng chiếm 0,09% trên tổng dư nợ, tăng 3.521 triệu đồng so với năm 2003. Thu nhập bình

quân của cán bộ, nhân viên làm việc tại Quý năm 2018 là 125 triệu đồng/năm, tăng 89 triệu đồng/năm so với năm 2003.

+ Tình hình hoạt động của các đơn vị hầu hết có sự tăng trưởng ổn định. Các chỉ tiêu như: về vốn, huy động, cho vay, kết quả kinh doanh đa số đều đạt so với kế hoạch đề ra. Nguồn vốn vay từ các quỹ tín dụng nhân dân đã tạo điều kiện cho các thành viên phát triển kinh tế hộ gia đình ngày càng hiệu quả, ổn định góp phần nâng cao đời sống cho các hộ thành viên, giúp các thành viên đầu tư sản xuất đúng thời vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống của các thành viên, trong năm giải quyết cho 39.544 lượt vay.

+ Kết quả tham gia công tác an sinh xã hội: Đa số các quỹ tín dụng nhân dân đều tham gia đóng góp trong công tác an sinh xã hội tại địa phương như: chung tay xây dựng nông thôn mới, giúp đỡ gia đình thành viên khó khăn, nhận nuôi bà mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp Quỹ vì người nghèo, Quỹ khuyến học, Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng, ủng hộ Trường Sa và các hoạt động vận động do địa phương phát động... với tổng số tiền gần 03 tỷ đồng.

+ Về tổ chức đảng, đoàn thể: Đa số quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn đều có tổ chức công đoàn cơ sở, nhiều công đoàn đạt công đoàn vững mạnh; có 11/25 quỹ tín dụng nhân dân có chi bộ cơ sở với 71 đảng viên. Ngoài ra còn 24 đảng viên tham gia sinh hoạt ghép với các chi bộ địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hiện nay hệ thống quỹ tín dụng đang gặp khó khăn về huy động vốn từ thành viên do giá cả các mặt hàng nông sản xuống thấp, mất mùa,...

#### 2.1.2.3. Hợp tác xã lĩnh vực giao thông - vận tải

- Số lượng, thành viên: Đến 31/12/2018, toàn tỉnh có 27 hợp tác xã, tăng 06 hợp tác xã so với năm 2003; trong đó có 26 hợp tác xã đang hoạt động, 01 hợp tác xã ngưng hoạt động. Tổng thành viên của 27 hợp tác xã khoảng 1.998 thành viên, tăng 1.280 thành viên so với năm 2003 và có 2.631 lao động, tăng 1.531 lao động so với năm 2003. Đa số hợp tác xã vận tải chỉ làm dịch vụ nên doanh thu không cao so với các hợp tác xã loại hình khác. Các hợp tác xã quản lý hơn 3.038 phương tiện xe các loại như: xe khách, xe tải, taxi, du thuyền và xe mô tô phục vụ khách du lịch.

- Hoạt động: các hợp tác xã cung cấp cho thành viên những dịch vụ như:

+ Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định, theo hợp đồng như cung ứng hợp đồng cho các xe khách, xe tải gồm: Các loại hợp đồng vận chuyển hàng hóa và hành khách mà hợp tác xã đã ký với khách hàng; cung ứng mở tuyến xe khách trong và ngoài tỉnh.

+ Hợp tác xã đứng ra làm các thủ tục cho thành viên như: Giấy phép kinh doanh, giới thiệu đăng kiểm, mở tuyến ký hợp đồng tuyến với các bên liên quan (bến đi và bến đến), đại lý bán bảo hiểm cho xe cơ giới.

+ Thực hiện nghĩa vụ tìm nguồn hàng, nguồn khách cho thành viên. Bên cạnh đó đa số hợp tác xã đứng ra liên kết sửa chữa bán phụ tùng xe, liên kết bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm vật chất phương tiện; liên kết lắp đặt, quản



lý, theo dõi, điều hành phương tiện qua thiết bị giám sát hành trình theo quy định của Bộ Giao thông và Vận tải.

+ Hợp tác xã còn giữ vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục cho hộ thành viên và lái xe trong việc chấp hành Luật giao thông đường bộ, tổ chức tập huấn lái xe cho thành viên.

- Khó khăn lớn nhất của các hợp tác xã vận tải hiện nay là vấn đề về thu nộp thuế: Có tình trạng phương tiện hoạt động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhưng không đăng ký kinh doanh trong tỉnh mà xin đăng ký kinh doanh tại tỉnh khác.

#### 2.1.2.4. Hợp tác xã lĩnh vực công thương

- Số lượng, thành viên: Đến 31/12/2018, trên địa bàn tỉnh có 36 hợp tác xã ngành công thương, tăng 23 hợp tác xã so với năm 2003; trong đó có 28 hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và 08 hợp tác xã thương mại, tăng 04 hợp tác xã so với 2003. Tổng thành viên là 557 người, tăng 362 người so với năm 2003. Tổng vốn hoạt động 23 tỷ đồng, ước doanh thu bình quân 01 hợp tác xã khoảng 1,5 tỷ đồng. Lợi nhuận bình quân khoảng 150 triệu đồng. Thu nhập bình quân lao động trong hợp tác xã khoảng 3 triệu đồng/tháng.

- Hoạt động:

+ Hợp tác xã khối công thương tổ chức sản xuất, triển khai hoạt động tạo việc làm, thu nhập thường xuyên cho 750 lao động, bao gồm 557 thành viên và các lao động thuê ngoài (đa số các thành viên là người lao động khuyết tật, lao động nữ, lao động là người đồng bào dân tộc). Các thành viên và người lao động luôn đoàn kết, siêng năng học tập, giúp đỡ lẫn nhau nâng cao tay nghề, lao động có thâm niên, có kinh nghiệm trong hợp tác xã tổ chức truyền dạy nghề cho lao động mới, tập thể thành viên hợp tác xã luôn phấn đấu lao động để tạo thêm việc làm, tạo thu nhập cho bản thân, giảm bớt gánh nặng cho gia đình, xã hội.

+ Các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hoạt động chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp, gia công hàng len, may công nghiệp, đan lát lục bình, sản xuất, chế biến các loại rau, củ, quả sấy khô,... hợp tác xã hoạt động ổn định góp phần giải quyết việc làm cho thành viên và người lao động, giá trị sản xuất hàng năm đều tăng tuy không nhiều nhưng đã giải quyết đáng kể trong việc thu hút nhiều lao động, sản phẩm có đầu ra và ngày càng góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho thành viên và người lao động.

+ Các hợp tác xã thương mại: Có 08 hợp tác xã, chủ yếu hoạt động, kinh doanh và làm dịch vụ thương mại; trong đó có 01 hợp tác xã ngưng hoạt động, 04 hợp tác xã chợ (mới thành lập 03 hợp tác xã). Các hợp tác xã chợ hoạt động ở quy mô nhỏ, chủ yếu là quản lý chợ hạng 3 tại vùng nông thôn.

Nhìn chung, các hợp tác xã ngành công thương đa số cung ứng dịch vụ việc làm cho thành viên bằng các loại hình sản xuất kinh doanh, gia công các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, đan len, gia công, dệt thổ cẩm,... Khó khăn lớn nhất của các hợp tác xã hiện nay là thiếu vốn, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, thiếu trang thiết bị và công nghệ sản xuất kỹ thuật cao, hầu hết trang thiết bị và máy móc của các hợp tác xã đã cũ nên năng suất hoạt động thấp. Đội ngũ lao động trong

các hợp tác xã đa số chưa qua đào tạo bài bản nên cũng phần nào ảnh hưởng đến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

#### 2.1.2.5. Hợp tác xã lĩnh vực du lịch - dịch vụ

Lĩnh vực du lịch - dịch vụ có 01 hợp tác xã, giảm 02 hợp tác xã so với năm 2003, với tổng số có 24 thành viên, các hộ thành viên chấp hành tốt các quy định về kinh doanh lưu trú du lịch. Hợp tác xã dịch vụ du lịch được thành lập từ trước năm 2003 nhưng không thích ứng theo cơ chế thị trường, đã lần lượt giải thể; đến nay còn 01 hợp tác xã nhưng hoạt động mang tính chất cầm chừng, cũng chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của thành viên trong quá trình hoạt động, thiếu sự liên kết ràng buộc.

#### 2.1.2.6. Hợp tác xã lĩnh vực xây dựng

Năm 2003 có 05 hợp tác xã xây dựng nhưng đã giải thể trước năm 2008. Đến nay toàn tỉnh chỉ có 01 hợp tác xã thành lập năm 2015, đăng ký kinh doanh xây dựng thi công những công trình, cơ sở hạ tầng nhỏ như cầu cống, đường liên thôn, liên xóm... với tổng số thành viên 10 người. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã mang lại chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu việc làm của thành viên.

### 2.2. Liên hiệp hợp tác xã

Đến cuối năm 2018 toàn tỉnh có 03 Liên hiệp hợp tác xã, tăng 03 Liên hiệp hợp tác xã so với năm 2003; trong đó có 02 Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và 01 Liên hiệp hợp tác xã ngành công thương. Tổng số thành viên 17 thành viên. Liên hiệp hợp tác xã số 01 hiện đang tạm ngưng hoạt động; Liên hiệp hợp tác xã rau hoa Hưng Phát mới chỉ phát huy vai trò tìm kiếm đối tác ký kết bao tiêu sản phẩm rau, củ quả các loại cho các hợp tác xã thành viên. Liên hiệp hợp tác xã 4 H thành lập vào cuối năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động ổn định.

### 3. Một số mô hình hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị

#### 3.1. Mô hình chuỗi giá trị liên kết trong nông nghiệp

Liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã có nhiều bước phát triển, với nhiều hình thức liên kết phong phú và đa dạng qua đó góp phần giúp cho người nông dân có định hướng tốt hơn trong tổ chức sản xuất nhằm giải quyết tốt đầu ra cho sản phẩm cụ thể như:

- Liên kết giữa Liên hiệp hợp tác xã với các doanh nghiệp: Liên hiệp hợp tác xã có vai trò đứng ra tìm kiếm công ty, doanh nghiệp có uy tín trên địa bàn để giới thiệu cung ứng dịch vụ vật tư, bao tiêu sản phẩm cho các hợp tác xã thành viên, các hợp tác xã thành viên tự ký kết trực tiếp với công ty theo hợp đồng kinh tế.

- Liên kết giữa hợp tác xã với thành viên thể hiện qua hợp đồng hợp tác, hợp tác xã đứng ra hợp đồng với thành viên của mình, đảm bảo cung ứng đầy đủ về số lượng cũng như chất lượng các loại sản phẩm, các loại dịch vụ phục vụ

nhu cầu thành viên. Đồng thời thành viên cũng thể hiện trách nhiệm của mình với hợp tác xã thông qua hợp đồng dịch vụ.

- Mô hình liên kết giữa hợp tác xã với tổ hợp tác: mô hình này tập trung ở những hợp tác xã có quy mô lớn về tiêu thụ sản phẩm đầu ra đều tổ chức liên kết với các tổ hợp tác trên địa bàn lân cận như: Hợp tác xã nông nghiệp Anh Đào (Đà Lạt) liên kết với các tổ hợp tác ở huyện Lạc Dương, Hợp tác xã Tiến Huy (Đức Trọng) liên kết với các tổ hợp tác nông dân, Hợp tác xã Tân Tiến (Đà Lạt),...; các liên kết dưới hình thức hợp tác xã cung cấp vật tư, cây giống, kỹ thuật cho các tổ hợp tác ngược lại tổ hợp tác cung cấp sản phẩm lại cho hợp tác xã.

- Liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã: Để thu mua hàng hóa của người dân trên địa bàn với số lượng lớn và chất lượng sản phẩm đồng đều, các doanh nghiệp chủ động liên kết với các hợp tác xã ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Để hợp đồng thực hiện đúng và đầy đủ, doanh nghiệp có trách nhiệm tìm kiếm thị trường tiêu thụ, hỗ trợ đầu tư, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất; đại diện hợp tác xã có trách nhiệm gắn kết thành viên của hợp tác xã với doanh nghiệp thực hiện đúng các cam kết hợp đồng theo thỏa thuận đã ký. Hợp tác xã có vai trò thu mua, sơ chế, đóng gói, dán nhãn mác, thương hiệu của hợp tác xã mình. Mô hình liên kết này thực hiện tốt ở Hợp tác xã Anh Đào, Hợp tác xã Tân Tiến, Hợp tác xã Xuân Hương ở Đà Lạt (liên kết với các hệ thống siêu thị tiêu thụ rau sạch), Hợp tác xã Phi Vàng ở Đơn Dương (liên kết với Công ty Pepsico tiêu thụ khoai tây), Hợp tác xã Tiến Huy ở Đức Trọng (liên kết với siêu thị METRO tiêu thụ rau sạch)...; ngoài ra, các hợp tác xã hoạt động ở vùng cây công nghiệp huyện Di Linh, thành phố Bảo Lộc còn tổ chức liên kết với các công ty phân bón Bình Điền, Năm Sao,... cung ứng dịch vụ vật tư đầu vào cho thành viên nhằm đảm bảo giá thành cũng như chất lượng sản phẩm như: Hợp tác xã Đồng Phát, Tiến Phát, Đồng Di Linh,...

### **3.2. Mô hình hợp tác xã phi nông nghiệp**

Trong năm gần đây đã phát triển những mô hình hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp giúp giải quyết hàng trăm lao động cho người khuyết tật, người đồng bào dân tộc thiểu số như Hợp tác xã Thổ cẩm Cát Tiên liên kết với các cửa hàng bán đồ lưu niệm, chuỗi siêu thị; Hợp tác xã An Bình tổ chức đan lát lục bình, bèo tây liên kết với các công ty kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ...

### **4. Phát triển hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội như tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân, tái cơ cấu nền kinh tế, nhất là tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp**

Trong những năm qua, Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã đạt những kết quả nổi bật, trong đó vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội như tạo việc làm, nâng cao thu nhập của người dân, tái cơ cấu nền kinh tế, nhất là tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp được khẳng định và phát huy hiệu quả cao. Các hợp tác xã được thành lập vừa đáp ứng tiêu chí sản xuất (tiêu chí số 13) trong xây dựng nông thôn mới, vừa phát huy tốt vai trò tập hợp, vận động, thay đổi cách nghĩ, cách làm cho người dân, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các quy

trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đẩy mạnh chuyển giao khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu theo hướng nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng doanh thu cho hợp tác xã và nâng cao đời sống cho thành viên, ngoài ra còn tích lũy đầu tư cơ sở hạ tầng ở nông thôn làm thay đổi diện mạo nông thôn theo hướng tích cực; góp phần giảm nghèo, chủ động vươn lên làm chủ dựa vững chắc cho thành viên.

**5. Đánh giá kết quả thực hiện các Chỉ tiêu theo Quyết định số 961/QĐ-UBND, ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh về ban hành Đề án phát triển kinh tế hợp tác tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 (Đề án 961)**

**5.1. Chỉ tiêu 1:** Tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác phấn đấu đến năm 2020, tổng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế hợp tác chiếm từ 1,5 - 2% GRDP của tỉnh; không còn hợp tác xã tồn tại hình thức, nâng tỷ lệ hợp tác xã khá, giỏi lên trên 70%, phấn đấu xây dựng mỗi ngành nghề hoạt động kinh doanh có ít nhất 01 mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

- Về củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác: Đến 30/6/2016, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc chuyển đổi, đăng ký lại theo quy định của Luật hợp tác xã năm 2012, các tổ hợp tác đã thực hiện việc đăng ký và hoạt động theo Nghị định số 151/NĐ-CP của Chính phủ; cùng với đó, triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy, cán bộ trực tiếp tham mưu về lĩnh vực kinh tế tập thể từ tỉnh đến cơ sở để theo dõi, giám sát, tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển. Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; xác định rõ cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp; quan tâm công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

- Về tổng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế hợp tác: Tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế hợp tác vào GRDP của tỉnh năm 2017 là 1,22%, năm 2018 là 1,39%, dự kiến năm 2019 là 1,5%. Căn cứ tình hình thực tế về phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn, tỉnh Lâm Đồng dự báo sẽ mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Về số lượng hợp tác xã khá, giỏi và không còn hợp tác xã hoạt động hình thức: Năm 2018 có 54 hợp tác xã giỏi, 44 hợp tác xã khá (đạt 31%), so với mục tiêu đề ra chưa đạt. Việc củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động đã tạo điều kiện tốt hơn để các Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng các loại hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống cho các thành viên. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một số hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, hoạt động hình thức hoặc đã ngưng hoạt động từ lâu, chưa thực hiện việc cơ cấu lại hoặc tiến hành giải thể theo quy định, số hợp tác xã khá, giỏi đến nay chưa đạt mục tiêu đề ra, một số ngành nghề có điều kiện phát triển kinh tế hợp tác tuy nhiên đến nay vẫn chưa thành lập được hợp tác xã. Trong giai đoạn 2 năm cuối

của Đề án cần triển khai quyết liệt hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, trong đó tập trung xử lý dứt điểm các hợp tác xã nông nghiệp yếu kém, đã ngưng hoạt động lâu ngày theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 7189/UBND-TH2, ngày 01/11/2018 (*hiện còn 28 hợp tác xã nông nghiệp trước Luật Hợp tác xã năm 2012 chưa giải thể được*).

- Về xây dựng các mô hình hợp tác xã tiên tiến, cho đến năm 2018 nhiều mô hình hợp tác xã kiểu mới, tiên tiến đã được xây dựng và làm hình mẫu để nhân rộng, phấn đấu đến năm 2020 đạt chỉ tiêu đề ra mỗi ngành nghề hoạt động kinh doanh có ít nhất 01 mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

**5.2. Chỉ tiêu 2:** Bình quân hàng năm thành lập mới ít nhất 25 hợp tác xã và 30 tổ hợp tác có chứng thực của UBND xã; khuyến khích thành lập mới các Liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả, hợp tác xã có quy mô liên xã hoặc liên huyện trong tỉnh, các hợp tác xã trong các khâu chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân và thu gom, vận chuyển rác thải nông thôn,... ; phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 300 hợp tác xã và 360 tổ hợp tác có chứng thực của UBND xã. Kết quả:

Số lượng hợp tác xã thành lập mới hàng năm: Năm 2017 có 63 hợp tác xã, năm 2018 có 64 hợp tác xã, so với chỉ tiêu tăng gần gấp đôi. Đến hết năm 2018 toàn tỉnh phát triển được 03 Liên hiệp hợp tác xã; trong đó có 02 Liên hiệp HTX nông nghiệp và 01 Liên hiệp HTX ngành công thương. Các Liên hiệp hợp tác xã thực hiện vai trò giới thiệu doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào cho các hợp tác xã thành viên và tìm kiếm đối tác ký kết bao tiêu sản phẩm rau, củ, quả các loại.

Nhìn chung, trong thời gian qua các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị (mô hình chuỗi giá trị liên kết trong nông nghiệp) có nhiều bước phát triển, với nhiều hình thức liên kết phong phú và đa dạng qua đó góp phần giúp cho người nông dân có định hướng tốt hơn trong tổ chức sản xuất nhằm giải quyết tốt đầu ra cho sản phẩm.

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 300 hợp tác xã và 360 tổ hợp tác

+ Đối với hợp tác xã, tính đến hết năm 2018 toàn tỉnh có 315 hợp tác xã, vượt 15 hợp tác xã (315/300). Qua số liệu thực hiện năm 2018, chỉ tiêu phát triển hợp tác xã tại 07 địa phương đã đạt và vượt so với kế hoạch gồm: Thành phố Đà Lạt, các huyện: Đức Trọng, Lâm Hà, Bảo Lâm, Di Linh, Cát Tiên, Đạ Tẻh. Các địa phương khác phát triển từ 02 đến 04 hợp tác xã trong năm 2019, 2020 sẽ hoàn thành kế hoạch, nếu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng như hiện nay sẽ đạt mục tiêu so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, thực tế hiện nay vẫn còn 28 hợp tác xã đăng ký trước Luật Hợp tác xã năm 2012 đã ngưng hoạt động và không cơ cấu lại, phải giải thể theo quy định.

+ Đối với tổ hợp tác, đến hết năm 2018 toàn tỉnh có 300 tổ hợp tác, đạt 83,3% so với kế hoạch đến năm 2020 (300/360). Để đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, trong 2 năm 2019 và năm 2020 phải phát triển thêm 60 tổ hợp tác.

- Phấn đấu đến năm 2020 không có xã “trắng” về hợp tác xã. Đến hết năm 2018, trên địa bàn toàn tỉnh có 122/147 xã, phường, thị trấn có hợp tác xã; còn 25 xã, phường, thị trấn chưa có hợp tác xã. Việc phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu

này trong thời gian 02 năm còn lại của Đề án là có thể thực hiện. Tuy nhiên, tại hầu hết địa bàn các xã này hiện nay chưa có những điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác xã. Do đó để các hợp tác xã thành lập mới xuất phát từ nhu cầu thực tế và có thể hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả, trong thời gian tới cần tiếp tục có sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn của các cấp, các ngành, nhất là địa phương. Một số xã chưa có hợp tác xã như: Các xã Lộc Lâm, Lộc Quảng, Lộc Thành thuộc huyện Bảo Lâm; các xã: Bảo Thuận, Đình Trang Thượng, Gia Bắc, Hòa Ninh, Hòa Trung, Sơn Điền, Tam Bó thuộc huyện Di Linh; các xã, thị trấn: Quảng Lập, Ka Đô, Ka Đơn, thị trấn D'ran thuộc huyện Đơn Dương; các xã, thị trấn: thị trấn Đam Ri, Đa PLoa, Đoàn Kết thuộc huyện Đa Huoai; các xã: Đa Long, Đa Tông, Đa'MRông, Liêng S'Rôn, Phi Liêng thuộc huyện Đam Rông; xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc; xã Triệu Hải thuộc huyện Đa Têh; xã Đưng K'Nó thuộc huyện Lạc Dương.

**5.3. Chỉ tiêu 3:** Đến năm 2020 phấn đấu tốc độ tăng trưởng về vốn điều lệ, doanh thu của hợp tác xã tăng từ 8 - 10%/năm, thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong hợp tác xã tăng gấp 1,5 lần so với năm 2015.

- Về doanh thu: năm 2018 doanh thu bình quân của 01 hợp tác xã là 10.899 tỷ đồng, tăng hơn 4,468 tỷ đồng so với năm 2015 (gấp 1,7 lần). Doanh thu bình quân năm 2015 là 6,431 tỷ đồng, năm 2016 là 6,760 tỷ đồng, năm 2017 là 10,092 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

- Về thu nhập bình quân: Năm 2018 là 66 triệu đồng/người, tăng 30 triệu so với năm 2015 (tăng gấp 1,83 lần), vượt so với kế hoạch đề ra.

**5.4. Chỉ tiêu 4:** Phấn đấu đến năm 2020, nâng mức vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã của tỉnh lên 15 tỷ đồng, tích cực hỗ trợ thiết thực cho các hợp tác xã, tổ hợp tác vay vốn từ Quỹ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Đến 31/12/2018, tổng vốn điều lệ của Quỹ là 11.749.670.813 đồng, vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn ngân sách tỉnh cấp và bổ sung vốn từ kết quả hoạt động kinh doanh. Quỹ hoạt động tương đối hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn. Quỹ thực hiện cho vay vốn ngắn hạn và trung hạn, lãi suất cho vay được tính bằng 60% lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại cùng thời điểm và loại vay; thời hạn cho vay không quá 24 tháng; đối tượng cho vay là hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã. Trong lúc lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại không ổn định thì việc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng ra đời đã giúp cho các hợp tác xã vay vốn với lãi suất thấp và ổn định trong suốt thời gian vay đã góp phần giảm áp lực trả lãi cho các hợp tác xã từ đó các hợp tác xã chủ động sản xuất kinh doanh, giải quyết được nhiều khó khăn về vốn bước đầu đem lại hiệu quả và lợi ích cho thành viên cũng như người lao động; tạo việc làm ổn định cho thành viên và người lao động hiện có và thu hút thêm nhiều lao động mới.

**5.5. Chỉ tiêu 5:** Đến năm 2020, số lượng xã viên, người lao động tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã hàng năm tăng từ 10% trở lên; 100% cán bộ chủ chốt hợp tác xã được bồi dưỡng bổ sung các kiến thức về hợp tác xã và pháp luật có liên

quan; có từ 50% cán bộ chủ chốt hợp tác xã được đào tạo có trình độ từ sơ cấp, trung cấp; 20% cán bộ chủ chốt hợp tác xã có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

- Về số lượng xã viên, người lao động tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã. Qua số liệu thống kê đến năm 2018, số lượng thành viên hợp tác xã là 63.622 người (năm 2015 là 105.887 người, năm 2016 là 90.523 người, năm 2017 là 72.162 người). Đối với tổ hợp tác, số lượng thành viên tham gia tổ hợp tác năm 2018 là 6.947 người, năm 2015 là 3.741 người, năm 2016 là 3.610 người, năm 2017 là 6.767 người. Như vậy, số lượng thành viên tham gia hợp tác xã giảm trong các năm qua, không đạt so với kế hoạch đề ra; nguyên nhân giảm là do các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện rà soát chấm dứt tư cách thành viên đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện trở thành thành viên theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN và thành viên ở các quỹ tín dụng nhân dân hầu hết là cá nhân và một số ít thành viên là pháp nhân (các hợp tác xã).

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt:

+ Về bồi dưỡng bổ sung các kiến thức về hợp tác xã và pháp luật có liên quan: Thông qua chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn hàng năm do Liên minh hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,... tổ chức, đến nay 100% cán bộ chủ chốt hợp tác xã được bồi dưỡng bổ sung các kiến thức về hợp tác xã và pháp luật có liên quan.

+ Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã: Đến hết 2018, tổng số cán bộ quản lý là 956 người, trong đó 265 cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ sơ cấp, trung cấp; 268 cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ cao đẳng, đại học (*chủ yếu là cán bộ quản lý ở các quỹ tín dụng nhân dân và một số hợp tác xã đang hoạt động hiệu quả*); số còn lại là cán bộ chưa qua đào tạo, trình độ và năng lực quản lý còn hạn chế, chưa năng động, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của các hợp tác xã. Số lượng cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ sơ cấp, trung cấp là 27%, chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch là 50%.

+ Về chỉ tiêu 20% cán bộ chủ chốt hợp tác xã có trình độ cao đẳng, đại học trở lên: tính đến hết năm 2018, số lượng cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học là 28% đạt và vượt so với kế hoạch.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đã đạt được so với yêu cầu Nghị quyết**

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế tập thể và đạt được những kết quả đáng kể. Hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã đã có bước phát triển mới, vượt bậc; 10 điểm thành tích nổi bật cũng là điểm sáng trong phát triển kinh tế tập thể trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1.1. Nhận thức về kinh tế tập thể ở tất cả các cấp từ cấp ủy, cơ quan, đoàn thể và Nhân dân đã thay đổi rõ rệt; công tác tuyên truyền đã được thực hiện tốt.

2.2. Tổ chức bộ máy quản lý, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, cơ quan địa phương từ tỉnh xuống huyện, thành phố, thị trấn, xã, phường có nhiều thay đổi.

2.3. Hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng phát triển mạnh không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng hoạt động.

2.4. Quy mô kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng lớn, hoạt động trong nhiều ngành nghề và lĩnh vực khác nhau, hình thành các Liên hiệp hợp tác xã.

2.5. Phương thức hoạt động, sản xuất kinh doanh thay đổi mạnh phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế; trong đó liên kết tạo thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm là một phương thức tất yếu.

2.6. Ứng dụng tin học, công nghệ cao, điều khiển học hiện đại, đổi mới sáng tạo là một nét nổi bật trong hoạt động của kinh tế tập thể trong những năm qua.

2.7. Thay đổi trong hiệu quả hoạt động theo chiều hướng tích cực, doanh thu và lãi ngày càng cao, hỗ trợ hàng chục nghìn hộ nông dân tham gia chuỗi giá trị làm ăn hiệu quả.

2.8. Thay đổi trong cung cách, trình độ quản lý hợp tác xã và kinh tế tập thể.

2.9. Thay đổi tích cực trong sự đóng góp và sự phát triển GRDP và ngân sách địa phương, giải quyết nhiều việc làm cho nhân dân.

2.10. Thay đổi trong việc hình thành các tổ chức đảng, đoàn thể trong kinh tế tập thể.

Từ những kết quả trên đã khẳng định chủ trương phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của Đảng và Nhà nước là đúng đắn, phù hợp với nhu cầu thị trường xu hướng phát triển của nền kinh tế và là thành phần kinh tế quan trọng, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị tại địa phương.

## **2. Những tồn tại và hạn chế**

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương vẫn chưa nhận thức đầy đủ về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như vai trò, vị trí của kinh tế tập thể. Tâm lý hoài nghi mặc cảm chưa hiểu hết về hợp tác xã trong cán bộ, đảng viên, nhân dân vẫn còn tồn tại.

- Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (như đất đai, vay vốn, thuế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm...) chưa đủ để khuyến khích người dân tham gia vào hợp tác xã; vai trò tham mưu của Ban chỉ đạo phát triển kinh tế các cấp chưa tốt.

- Tốc độ, quy mô phát triển kinh tế tập thể còn hạn chế, chưa trở thành một thành phần kinh tế đóng vai trò nền tảng động lực đóng góp cho GRDP của địa phương. Một bộ phận hợp tác xã chưa thoát khỏi yếu kém, khả năng cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác chưa cao. Việc thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật hợp tác xã của một số hợp tác xã còn chậm; số lượng hợp tác xã sản xuất kinh doanh hiệu quả chưa cao, khả năng đóng góp cho ngân sách nhà nước còn hạn chế.



- Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh ở một số địa phương, việc vận động thành lập mới hợp tác xã còn khó khăn, nhất là địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phần lớn các hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô nhỏ, chưa có trụ sở làm việc, hoạt động sản xuất kinh doanh còn đơn điệu, manh mún, chưa năng động, chậm khắc phục khó khăn; chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động hoặc mở rộng hình thức kinh doanh theo hướng đa ngành nghề; chưa có nhiều hình thức liên doanh, liên kết khu vực hợp tác xã, hợp tác xã với các tổ chức doanh nghiệp. Hầu hết các hợp tác xã, tổ hợp tác chưa thực hiện tốt chế độ kế toán và thông tin báo cáo theo quy định.

- Năng lực, trình độ cán bộ quản lý trong khu vực hợp tác xã còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay; chính sách đối với cán bộ hợp tác xã còn có nhiều bất cập nên chưa thu hút được nhiều cán bộ trẻ có năng lực, trình độ trực tiếp tham gia Ban quản trị, Ban kiểm soát của hợp tác xã.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của hợp tác xã còn nhiều hạn chế và chưa thống nhất.

### **3. Nguyên nhân khách quan và chủ quan**

#### **3.1. Khách quan**

Lâm Đồng là tỉnh miền núi, với nhiều dân tộc anh em cùng chung sống, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn rất khó khăn, trong khi đó trình độ dân trí của người dân còn thấp, điều kiện địa lý khó khăn. Bên cạnh đó ảnh hưởng của mô hình hợp tác xã thời bao cấp vẫn còn nặng nề trong nhân dân.

#### **3.2. Chủ quan**

- Nhận thức về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của một số ngành, địa phương, người dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vai trò, bản chất của kinh tế tập thể và hợp tác xã kiểu mới. Công tác tuyên truyền, vận động thành lập hợp tác xã còn lúng túng, chậm đổi mới, chưa đi sâu vào vấn đề cụ thể. Một số sở, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm, việc chỉ đạo còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, thiếu quyết liệt, kiên trì. Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa chặt chẽ, cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện cơ chế chính sách đối với hợp tác xã chưa được chú trọng.

- Chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể đã ban hành nhưng thực tế mức hỗ trợ còn thấp hoặc chưa thực hiện, một số quy định chưa thật phù hợp nên chưa thực sự tạo được động lực hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Các địa phương hiện chưa có quy hoạch sử dụng đất để cho các hợp tác xã thuê đất theo quy định.

- Trình độ, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ quản lý hợp tác xã vừa thiếu, vừa yếu; tỷ lệ cán bộ chưa qua đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, tâm huyết. Thực lực của hợp tác xã chưa đủ mạnh để liên doanh, liên kết phát huy được những lợi thế sẵn có. Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đã bố trí cán bộ theo dõi lĩnh vực kinh tế tập thể,

nhưng phần lớn là kiêm nhiệm nên việc tham mưu trong công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã còn hạn chế, chưa kịp thời và không sâu sát trong nắm bắt tình hình hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác.

### ***Phần thứ ba***

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN TỚI**

### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

#### **1. Bối cảnh quốc tế**

Kinh tế thế giới đang có xu hướng phục hồi, tuy vậy trong trung hạn có nhiều rủi ro, thách thức. Khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học tiếp tục phát triển mạnh mẽ cùng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại nhiều thay đổi trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia đặc biệt là các mặt hàng nông sản. Biến đổi khí hậu có xu hướng diễn biến nhanh hơn và tác động ngày càng mạnh mẽ. Đảm bảo an ninh lương thực và an ninh nguồn nước vẫn là thách thức lớn đối với nhân loại. Tình trạng dịch bệnh xuyên quốc gia cũng là một thách thức không nhỏ trong ngành kinh tế.

#### **2. Bối cảnh trong nước**

Sự ổn định về chính trị, nền kinh tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao đem lại môi trường thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Mặc khác quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa sẽ gây nhiều áp lực đối với nông nghiệp, nông thôn thông qua cạnh tranh về đất đai, nguồn nước,... Bên cạnh đó trong thời gian tới Lâm Đồng cũng không tránh khỏi biến động của giá cả nông sản thế giới vẫn có xu hướng giảm gây khó khăn đầu ra cho nông sản Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng; tình trạng nhập lậu hàng nông sản không rõ nguồn gốc diễn ra phức tạp, tạo ra áp lực cạnh tranh đối với các mặt hàng nông sản trong tỉnh; sự tự phát trong sản xuất nông nghiệp kèm theo diễn biến thời tiết bất lợi gây ra rủi ro cho nông dân, cản trở nền nông nghiệp phát triển.

#### **3. Xu hướng hợp tác, liên kết trong sản xuất, thương mại**

Để thích ứng với cơ chế thị trường trong giai đoạn sắp tới thì các hợp tác xã phải sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo hướng chất lượng, an toàn nhất là các mặt hàng nông sản nông nghiệp và thực phẩm. Hợp tác xã muốn phát triển bền vững và mang lại hiệu quả cao cho thành viên thì xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phải khép kín và hình thành các chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất: liên kết giữa các hộ thành viên với nhau (liên kết ngang), liên kết giữa thành viên với hợp tác xã, giữa tổ hợp tác với hợp tác xã và giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp (liên kết dọc). Bên cạnh đó các hợp tác xã phải chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng như nhà xưởng, kho bãi, nguồn hàng để tìm kiếm các đơn hàng có quy mô lớn, hướng tới xuất khẩu ra các thị trường bạn. Đối với mỗi địa phương trong cả nước có ưu thế riêng về thổ nhưỡng, khí hậu cũng như các loại cây

trồng, chính vì vậy việc thành lập các mô hình hợp tác xã hoạt động với quy mô liên xã, liên huyện với những sản phẩm chủ lực của địa phương là một xu thế tất yếu mà các hợp tác xã cần hướng tới.

## II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế hợp tác là một tất yếu khách quan, là chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, do đó cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận tham gia của người dân, cần tránh sự áp đặt, duy ý chí và không buông lỏng lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền các cấp. Tiếp tục phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc vận động, tuyên truyền quần chúng tham gia phát triển kinh tế hợp tác và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Phát triển kinh tế tập thể trở thành một thành phần kinh tế quan trọng thực sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Cần chú trọng đồng thời chỉ tiêu phát triển số lượng hợp tác xã với chất lượng hoạt động, không nóng vội, gò ép và phải trên quan điểm Nhà nước tạo môi trường về thể chế, kinh tế thuận lợi và hỗ trợ để các hình thức kinh tế hợp tác tự thân vận động và phát triển dưới các hình thức thích hợp. Cần lựa chọn mô hình kinh tế hợp tác phù hợp với điều kiện thực tế về lao động, đất đai, khí hậu của địa phương; phải xác định nội dung, bước đi cụ thể gắn chặt với các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Việc lựa chọn quy mô và mô hình kinh tế hợp tác phải trên cơ sở tôn trọng quyết định của các thành viên tham gia tổ chức kinh tế hợp tác đó, Nhà nước không áp đặt.

3. Tiếp tục phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, lĩnh vực trọng tâm là ở các khu vực nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển gắn với tái cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi hoặc thành lập mới hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên các lĩnh vực môi trường, chợ, dịch vụ... Khuyến khích các hợp tác xã đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất, đa dạng hóa hình thức hoạt động, đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa phát triển sản xuất với thị trường, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị và thương hiệu nông sản, giữ vững thị trường nội địa và hội nhập quốc tế...

5. Quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ hợp tác xã. Xây dựng và thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ để các đơn vị kinh tế tập thể phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; nâng cao vai trò, vị trí của kinh tế hợp tác trong nền kinh tế, góp phần giữ vững an ninh chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xác định việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị trong thời gian tới. Các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương cần nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục nghiên cứu, quán triệt quan điểm, chủ trương nêu trong Nghị quyết 13-NQ/TW. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể phải cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế; năng suất, chất lượng, thu nhập từ khu vực kinh tế tập thể phải cao hơn khu vực hộ kinh doanh cá thể; đồng thời, đổi mới cơ chế chính sách, đảm bảo thông thoáng, tạo điều kiện để các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tham gia vào loại hình tổ hợp tác, hợp tác xã. Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức, quản lý, hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của các hợp tác xã phù hợp với từng lĩnh vực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phấn đấu đến năm 2020, khu vực kinh tế tập thể đạt tốc độ tăng trưởng cao và có vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Xây dựng phát triển các loại hình hợp tác xã trên địa bàn các huyện, thành phố. Tập trung phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới và phát triển mới các loại hình hợp tác xã trên các lĩnh vực, như: môi trường, quản lý chợ, dịch vụ, ... Phấn đấu đến 2020, không có xã “trắng” về hợp tác xã.

#### **2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025 và 2030**

##### **2.1. Mục tiêu đến năm 2020**

- Tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác. Phấn đấu đến năm 2020, tổng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế tập thể chiếm từ 1,5 - 2% GRDP của tỉnh; không còn hợp tác xã tồn tại hình thức, nâng tỷ lệ hợp tác xã khá, giỏi lên trên 70%. Phấn đấu xây dựng mỗi ngành nghề hoạt động kinh doanh có ít nhất 01 mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

- Bình quân hàng năm thành lập mới ít nhất 25 hợp tác xã và 30 tổ hợp tác có chứng thực của UBND xã. Khuyến khích thành lập mới các Liên minh hợp tác xã hoạt động hiệu quả, hợp tác xã có quy mô liên xã hoặc liên huyện trong tỉnh, các hợp tác xã trong các khâu chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân và thu gom, vận chuyển rác thải nông thôn... Phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có 300 hợp tác xã và 360 tổ hợp tác có chứng thực của UBND xã.

- Đến năm 2020, phấn đấu tốc độ tăng trưởng về vốn điều lệ, doanh thu, của hợp tác xã tăng từ 8 - 10%/năm. Thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong hợp tác xã tăng gấp 1,5 lần so với năm 2015.

- Phấn đấu đến năm 2020, nâng mức vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh lên 15 tỷ đồng, tích cực hỗ trợ thiết thực cho các hợp tác xã, tổ

hợp tác vay vốn từ quỹ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Đến năm 2020, số lượng xã viên, người lao động tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã hàng năm tăng từ 10% trở lên; 100% cán bộ chủ chốt hợp tác xã được bồi dưỡng bổ sung các kiến thức về hợp tác xã và pháp luật có liên quan; có từ 50% cán bộ chủ chốt hợp tác xã được đào tạo có trình độ từ sơ cấp, trung cấp; 20% cán bộ chủ chốt hợp tác xã có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

## **2.2 Mục tiêu đến năm 2025**

- Phát triển mới khoảng 100 tổ hợp tác, 185 hợp tác xã, 01 Liên hiệp hợp tác xã nâng tổng số hợp tác xã lên thành 500 hợp tác xã, 04 Liên hiệp hợp tác xã.

- Nâng tỷ lệ hợp tác xã khá giỏi lên trên 60%, không còn mô hình hợp tác xã tồn tại hình thức. Phần đầu 70% cán bộ quản lý hợp tác xã được qua các lớp bồi dưỡng kiến thức về hợp tác xã và pháp luật liên quan.

## **2.3 Mục tiêu đến năm 2030**

- Phát triển mới khoảng 200 tổ hợp tác, 385 hợp tác xã, 03 Liên hiệp hợp tác xã nâng tổng số hợp tác xã lên 700 hợp tác xã, 06 Liên hiệp hợp tác xã.

- Nâng tỷ lệ hợp tác xã khá giỏi lên 70%, không còn mô hình hợp tác xã tồn tại hình thức. Phần đầu 100% cán bộ quản lý hợp tác xã được qua các lớp bồi dưỡng kiến thức về hợp tác xã và pháp luật liên quan.

# **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

## **1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền**

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp để tiếp tục tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 13-NQ/TW, Kết luận số 56- KL/TW của Bộ Chính trị, Luật hợp tác xã năm 2012 và các văn bản liên quan đến các tổ chức, cá nhân và các tầng lớp nhân dân, đảm bảo việc tuyên truyền đạt hiệu quả cao; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Tăng cường giới thiệu, phổ biến các mô hình hợp tác xã kiểu mới, tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm tại mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, giới thiệu những kinh nghiệm của tỉnh, thành phố về phát triển kinh tế tập thể... để các thành viên, người dân học tập kinh nghiệm, nhân rộng mô hình.

## **2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và người đứng đầu cấp ủy về phát triển kinh tế tập thể**

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Luật Hợp tác xã năm 2012..., xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

- Cùng cố, kiện toàn và phát triển các tổ chức đảng, đoàn thể trong các tổ chức kinh tế tập thể theo quy định, trên cơ sở tôn trọng tính tự nguyện, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế tập thể.

### **3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể**

- Cùng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy, cán bộ trực tiếp tham mưu về lĩnh vực kinh tế tập thể từ tỉnh đến cơ sở để theo dõi, giám sát, tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển. Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; xác định rõ cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp; quan tâm công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

- Nâng cao hơn nữa vai trò quản lý của Nhà nước đối với hợp tác xã. Đặc biệt quan tâm đến việc bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi hợp tác xã ở cấp huyện và cán bộ phụ trách hợp tác xã ở cấp xã. Các ban, ngành và chính quyền địa phương cần chú trọng hơn nữa nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách cán bộ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế tập thể.

### **4. Tiếp tục xây dựng, tham mưu đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể**

- Nghiên cứu, vận dụng tối đa các cơ chế chính sách của Chính phủ về ưu tiên, hỗ trợ phát triển hợp tác xã và trên cơ sở thực tiễn địa phương, ngành, lĩnh vực để kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế những cơ chế, chính sách không còn phù hợp, không hiệu quả (nhất là cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng, khoa học - công nghệ, thị trường, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng...). Yêu cầu các sở, ngành, địa phương rà soát có đề nghị cụ thể, đảm bảo phù hợp với Luật Hợp tác xã năm 2012 và điều kiện thực tế của địa phương, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển mạnh hơn nữa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch và đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; tăng quy mô nguồn vốn cho vay; tạo điều kiện để hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp cận được các nguồn vay ưu đãi, nhằm mở rộng, đa dạng hóa hoạt động.

### **5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội**

- Cùng cố, nâng cao vai trò của Liên minh Hợp tác xã, phát huy vai trò là đầu mối và cầu nối giữa kinh tế tập thể với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; tạo điều kiện để Liên minh Hợp tác xã tăng cường nguồn lực, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, nghiên cứu, xây dựng chương trình phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã với các huyện, thành phố, sở, ngành, ngân hàng, tổ chức tín dụng...

để kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tổ chức hội, hiệp hội xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp với các tổ chức liên quan thực hiện tốt công tác vận động nhân dân, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Luật hợp tác xã năm 2012 và các văn bản liên quan; đồng thời tham gia vào việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế chính sách, các giải pháp để phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

## **6. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới**

- Cùng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác theo Luật hợp tác xã năm 2012 và các văn bản liên quan; xây dựng đề án tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo phương châm tự nguyện, phù hợp với điều kiện cụ thể; chú trọng xây dựng, nhân rộng các hợp tác kiểu mới trong lĩnh vực nông nghiệp để gắn kết thực hiện tốt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; nhân rộng các mô hình, hình thức liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; quan tâm phát triển loại hình kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch.

- Rà soát, đánh giá giá kỹ nhu cầu thành lập và tổ chức hoạt động của các hợp tác xã, nhất là nhu cầu đất xây dựng trụ sở, kho bãi, cơ sở chế biến, liên kết sản xuất, mở rộng thị trường,... để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã cùng ngành nghề, cùng địa bàn để tăng cường tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động, kiên quyết giải thể hợp tác xã hoạt động theo mô hình cũ, kém hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa; cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, hỗ trợ các hợp tác xã có điều kiện tham gia các hoạt động triển lãm, hội chợ, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả; từng bước khẳng định kinh tế tập thể, hợp tác xã là nhân tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách về miễn thuế thu nhập cho hợp tác xã nếu lợi nhuận đem tái đầu tư hoặc miễn thuế thu nhập cho phần lãi cổ phần chia cho các xã viên nếu số tiền lãi này dùng cho việc tái đầu tư; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho hợp tác xã hoặc các mô hình kinh tế tập thể.

2. Đề nghị Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về tín dụng theo hướng thông thoáng để

các hợp tác xã có thể tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng nhằm giải quyết khó khăn về nguồn vốn đầu tư mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh (cho vay không có tài sản bảo đảm theo phương án sản xuất kinh doanh khả thi, hiệu quả); có chính sách tín dụng ưu đãi cho các dự án do hợp tác xã làm chủ đầu tư; cho các hợp tác xã liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

3. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở các lớp tập huấn nâng cao năng lực của cán bộ, công chức theo dõi về kinh tế tập thể, hợp tác xã ở cấp tỉnh, cấp huyện.

Trên đây là báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/03/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Nơi nhận:**

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương,
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Liên minh hợp tác xã Việt Nam,
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh,
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng đoàn,
- BCS đảng, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT<sub>2</sub>.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Trần Đức Quận**





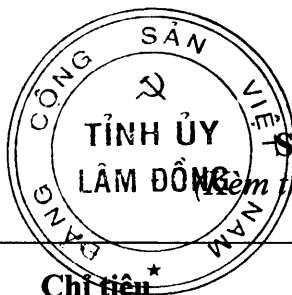
**Phụ lục số 1**

**CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ HỢP TÁC, HTX, THT**  
(Kèm theo Báo cáo số 365-BC/TU, ngày 26/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	1/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
<b>I</b>	<b>HTX</b>								
1	Tỷ trọng đóng góp vào PGDP	%	3	0,61	0,88	1	1,1	1,2	1,39
2	Tổng số HTX	HTX	102	149	170	190	194	251	315
	Trong đó:								
	- Số HTX thành lập mới	HTX	8	7	24	22	29	63	68
	- Số HTX giải thể	HTX		0	0	2	26	6	4
	- Số HTX đang hoạt động	HTX	95	130	144	164	170	231	286
	- Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	38	52	58	66	73	104	129
3	Tổng số thành viên HTX	Người	52.110	76.000	97.077	105.887	90.523	72.162	67.212
	Trong đó:								
	- Số thành viên mới	Thành viên	80	90	20.300	11.647	1018	1.231	640
	- Số thành viên là cá nhân	Thành viên	31459	70000	89105	91047	84327	62122	55000
	- Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	20651	6000	7972	14840	6196	10040	8601
	- Số thành viên là pháp nhân	Thành viên							1
4	Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX	Người		11.000	12.530	12.565	10.000	9.776	10.534
	Trong đó:								
	- Số lao động thường xuyên mới	Người		-	617	326	1.018	252	758
	- Số lao động là thành viên HTX	Người		10.126	11.913	12.239	7.400	8.631	8.293
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng							
6	Tổng giá trị tài sản của HTX	Tr đồng							
7	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr.đ/năm		1.534	3.675	4.175	4.384	6.569	7.084

8	Lãi bình quân của HTX	Tr.đ/năm		86	102	103	108	179	193
9	Tổng số cán bộ quản lý, điều hành HTX	Người		298	455	650	856	893	956
	Trong đó:								
	-Tổng số cán bộ có trình độ SC, TC	Người		87	108	168	257	260	265
	-Tổng số cán bộ có trình độ CĐ, ĐH	Người		63	114	144	240	258	268
	-Tổng số cán bộ quản lý HTX đóng BHXH	Người					300	350	405
<b>II</b>	<b>LIÊN HIỆP HTX</b>								
1	Tổng số Liên hiệp HTX	LHHTX		2	2	2	2	3	3
	Trong đó:								
	- Số Liên hiệp HTX thành lập mới	LHHTX		0	0	0	0	1	0
2	Tổng số HTX thành viên	HTX		13	13	13	13	17	17
3	Tổng số lao động trong các Liên hiệp HTX	Người		18	18	18	18	21	21
4	Tổng vốn điều lệ của Liên hiệp HTX	Triệu đồng		450	450	450	450	850	850
<b>III</b>	<b>THT</b>								
1	Tổng số THT	THT	516	3.044	3.790	3.731	189	282	300
	Trong đó: Số THT có đăng ký	THT		210	250	240	189	282	300
2	Tổng số thành viên		25.450	24.352	27.536	5.816	3.160	6.767	6.947

Ghi chú:PGDP là tổng thu nhập của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/năm



**Phụ lục số 2**

**SỐ LƯỢNG HTX, THT PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ**

*(Theo Báo cáo số 365-BC/TU, ngày 26/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	1/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
<b>I</b>	<b>HTX</b>		102	149	171	190	194	251	315
1	HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp	HTX	42	82	97	110	115	167	225
2	HTX công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp	HTX	13	24	29	34	32	31	36
3	HTX xây dựng	HTX	5	-	1	1	1	1	1
4	HTX tín dụng	HTX	17	21	21	21	23	24	25
5	HTX thương mại	HTX							
6	HTX vận tải	HTX	21	19	20	21	22	27	27
7	HTX dịch vụ du lịch	HTX	4	3	3	3	1	1	1
<b>II</b>	<b>LIÊN HIỆP HTX</b>			2	2	2	2	3	3
1	LH HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp	LHHTX		2	2	2	2	2	2
2	LH HTX công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp	LHHTX						1	1
<b>III</b>	<b>THT</b>		516	3044	250	240	189	282	300
1	THT nông, lâm, ngư, diêm nghiệp	THT	495	210	250	240	189	262	276
2	THT công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp	THT	21					20	24

**Phụ lục số 3**  
**DANH SÁCH TỔNG HỢP PHÂN LOẠI CÁC HTX, QTDND NĂM 2018**  
*(Kèm theo Báo cáo số 365-BC/TU, ngày 26/ 4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	Lĩnh vực	Tổng số	Phân loại					Không phân loại
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu kém	Chờ giải thể	
1	Nông nghiệp	225	25	19	70	23	27	61
2	Quỹ tín dụng ND	25	11	13	0	0	0	1
3	Giao thông vận tải	27	9	5	12	0	1	0
4	Công thương	36	9	7	8	5	1	6
5	DV Du lịch	1			1			
6	Xây dựng	1			1			
<b>Tổng</b>		<b>315</b>	<b>54</b>	<b>44</b>	<b>92</b>	<b>28</b>	<b>29</b>	<b>68</b>

**\* Khen thưởng**

- 4 HTX được cờ trong đó 03 cờ UBND tỉnh (1 HTX NN, 1 HTX VT, 1 QTDND).
- 21 HTX nhận bằng khen UBND tỉnh.
- 11 HTX nhận bằng khen Liên minh HTX Việt Nam.
- 40 Giấy khen Liên minh HTX tỉnh.



Phụ lục số 4

**BẢNG SỐ LIỆU HTX THEO ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số 365-BC/TU, ngày 26/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Huyện, thành phố	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018			So sánh kế hoạch đến 2020
			ĐK mới	Giải thể	Tổng cộng	
1	Đà Lạt	56	9		64	54
2	Bảo Lộc	31	1	1	32	35
3	Đức Trọng	34	8	1	41	34
4	Bảo Lâm	20	6		26	22
5	Di Linh	22	8		30	26
6	Lâm Hà	33	6		39	35
7	Đơn Dương	14	5	2	17	19
8	Đạ Huoai	6	3		9	12
9	Đạ Tẻh	5	10		15	15
10	Cát Tiên	20	6		26	24
11	Lạc Dương	7	3		10	14
12	Đam Rông	3	3		6	10
	Tổng số	251	68	4	315	300



### Phụ lục số 5

## DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN CỦA TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH

### VỀ KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Báo cáo số 25-BC/TU ngày 26/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

#### Tỉnh ủy

1. Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/07/2002 của Tỉnh ủy “*về chương trình thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”.
2. Công văn số 1231-CV/TU, ngày 18/01/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
3. Công văn số 2637-CV/TU, ngày 27/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận 56/KL-TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
4. Công văn số 5548-CV/TU, ngày 25/5/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị.
5. Kết luận 59-KL/TU, ngày 05/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 5.
6. Kế hoạch số 07-KH/TU, ngày 23/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 56/KL-TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/07/2015 về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp xã của Thủ tướng Chính phủ.

#### Hội đồng nhân dân tỉnh

7. Nghị quyết số 100/2014/NQ-HĐND, ngày 15/07/2014 quy định mức chi hỗ trợ sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã trong tỉnh Lâm Đồng.

#### Ủy ban nhân dân tỉnh

8. Kế hoạch 3234-KH/UB, ngày 01/10/2002 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU về “*Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*”.
9. Quyết định số 272/2006/QĐ-UBND, ngày 16/5/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2006-2010 của tỉnh Lâm Đồng.
10. Kế hoạch số 2734/KH-UBND, ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.
11. Kế hoạch số 3526/KH-UBND, ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012.

12. Văn bản số 5000/UBND-KT, ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 56/KL-TW của Bộ Chính trị, Luật Hợp tác xã năm 2012 và Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

13. Quyết định số 14/QĐ-UBND, ngày 25/02/2015 UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020.

14. Quyết định số 704/QĐ-UBND, ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

15. Kế hoạch số 6128/KH-UBND, ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/07/2015 về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã.

16. Quyết định 961/QĐ-UBND, ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển kinh tế hợp tác tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.

17. Quyết định 1553/QĐ-UBND, ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về Thành lập Ban Chỉ đạo và tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng.

18. Quyết định 2105/QĐ-UBND, ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt các ngành, hàng, sản phẩm nông nghiệp thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

19. Văn bản số 671/QĐ-UBND, ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án “thành lập Tổ hợp tác tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”.

-----